

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 663/2026/DS-PT
Ngày: 29/6/2026
V/v: “Tranh chấp hợp đồng góp
hụi”

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

Các Thẩm phán: Ông Trương Hoài Bình

Ông Phạm Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Mỹ Yên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 681/2026/TLPT-DS ngày 28 tháng 4 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2026/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 861/2026/QĐPT-DS ngày 27 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị H**, sinh năm: 1960. (Có mặt)

Địa chỉ: B Ấp H, xã Đ, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn:

1/ Ông **Nguyễn Thanh L**, sinh năm: 1985 (Vắng mặt)

2/ Bà **Huỳnh Thị Bé T** (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã Đ, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh L: Ông **Trần Việt H1**, sinh năm: 1966; (Có mặt)

Địa chỉ: L. 02- 41, đường C, khu dân cư M, khu vực A, phường S, thành phố Cần Thơ.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thanh L và bà Nguyễn Thị Bé T1 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2025 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Bà Huỳnh Thị Bé T là một thành viên của chương trình góp vốn làm ăn (hội viên), cụ thể:

1. Vào ngày 20/4/2021 âm lịch, hội 1.000.000 đồng, 31 chân. Bà T tham gia 01 chân, hót hội lần thứ 6, đóng hội được 500.000 đồng, hót được 17.000.000 đồng, đóng hội chết 21 lần, còn thiếu hội sống 09 lần với số tiền 9.000.000 đồng.

2. Ngày 25/8/2022 âm lịch, hội 1.000.000 đồng, 29 chân, bà T tham gia 02 chân:

Dây 1: Hót hội lần thứ 3, ra thăm 490.000 đồng, hót được 14.760.000 đồng, đóng hội chết được 03 lần, còn thiếu hội sống 25 lần bằng 25.000.000 đồng.

Dây 2: Hót hội lần thứ 3, ra thăm 500.000 đồng, hót được 14.500.000 đồng, đóng hội chết được 03 lần, còn thiếu hội sống 25 lần bằng 25.000.000 đồng.

3. Ngày 25/8/2022 âm lịch, hội 2.000.000 đồng, 30 chân, bà T tham gia 01 chân, hót lần thứ 2, ra thăm 850.000 đồng, hót được 33.200.000 đồng, đóng hội chết được 12 lần, còn thiếu hội sống 16 lần bằng 32.000.000 đồng.

4. Ngày 30/9/2021 âm lịch, hội 1.000.000 đồng, 29 chân, bà T tham gia 02 chân:

Dây 1: Hót lần thứ 2, ra thăm 420.000 đồng, hót được số tiền 16.160.000 đồng, đóng hội chết được 15 lần, còn thiếu 11 lần sống bằng 11.000.000 đồng.

Dây 2: Hót lần thứ 2, ra thăm 460.000 đồng, hót được số tiền 15.080.000 đồng, đóng hội chết được 15 lần, còn thiếu 11 lần sống bằng 11.000.000 đồng.

5. Ngày 30/10/2021 âm lịch, hội 2.000.000 đồng, bà T tham gia 02 chân.

Dây 1: Hót lần thứ 4, ra thăm 750.000 đồng, hót được số tiền 27.900.000 đồng, đóng hội chết được 19 lần, còn thiếu 04 lần sống bằng 8.000.000 đồng.

Dây 2: Hót lần thứ 6, ra thăm 820.000 đồng, hót được số tiền 28.440.000 đồng, đóng hội chết được 17 lần, còn thiếu 06 lần sống bằng 12.000.000 đồng.

6. Ngày 10/7/2021 âm lịch, hội 1.000.000 đồng, 25 chân, bà T tham gia 02 chân.

Dây 1: Hót lần thứ 4, ra thăm 450.000 đồng, hót được số tiền 14.050.000 đồng, đóng hội chết được 19 lần, còn thiếu 05 lần sống bằng 5.000.000 đồng.

Dây 2: Hót lần thứ 3, ra thăm 520.000 đồng, hót được số tiền 13.600.000 đồng, đóng hội chết được 18 lần, còn thiếu 06 lần sống bằng 6.000.000 đồng.

7. Ngày 15/5/2022 âm lịch, hội 2.000.000 đồng, 29 chân, bà T tham gia 03 chân.

Dây 1: Hốt lần thứ 1, ra thăm 600.000 đồng, hốt được số tiền 34.840.000 đồng, đóng hui chết được 15 lần, còn thiếu 13 lần sống bằng 26.000.000 đồng.

Dây 2: Hốt lần thứ 2, ra thăm 760.000 đồng, hốt được số tiền 31.600.000 đồng, đóng hui chết được 14 lần, còn thiếu 14 lần sống bằng 28.000.000 đồng.

Dây 3: Hốt lần thứ 2, ra thăm 750.000 đồng, hốt được số tiền 34.750.000 đồng, đóng hui chết được 14 lần, còn thiếu 14 lần sống bằng 28.000.000 đồng.

Đến ngày 19/6/2023, bà T và ông L không còn đóng hui cho bà.

Tổng cộng số tiền dây hui bà T còn thiếu là: 226.000.000 (Hai trăm hai mươi sáu triệu) đồng.

Ngày 05/6/2025, bà Phạm Thị H có đơn khởi kiện bổ sung, theo đó vào ngày 17/chạp/ 2022 âm lịch, dây hui 1.000.000 đồng, 33 chân, bà T tham gia 01 chân hốt lần 1. Đã hốt số tiền 15.500.000 đồng, chỉ đóng hui được 01 lần với số tiền 500.000 đồng, còn thiếu hui sống 31 lần với số tiền 31.000.000 đồng. Bà H yêu cầu Tòa án buộc bà Huỳnh Thị Bé T và ông Nguyễn Thanh L hoàn trả thêm số tiền 31.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà Phạm Thị H xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ: Đối với số tiền hui 31.000.000 đồng theo Đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/6/2025, thì bà H không yêu cầu xem xét. Bà H chỉ yêu cầu bà Huỳnh Thị Bé T và ông Nguyễn Thanh L trả cho bà tổng số tiền 226.000.000 (Hai trăm hai mươi sáu triệu) đồng theo Đơn khởi kiện và không yêu cầu tính lãi.

Tại đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt lập ngày 17/01/2026, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh L trình bày: yêu cầu Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì không có căn cứ và hợp pháp. Vì có nhiều dây hui mà nguyên đơn đặt ra yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả tiền hui cho nguyên đơn là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định nên nguyên đơn không còn quyền khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền hui cho nguyên đơn. Có những dây hui các bị đơn không những đã trả đủ vốn góp cho nguyên đơn xong, mà còn trả lãi suất cho nguyên đơn nhiều hơn mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Có những dây hui bị đơn không tham gia chơi hui, nhưng nguyên đơn vẫn đặt ra yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải trả tiền hui cho nguyên đơn là hoàn toàn không có căn cứ hợp pháp.

Đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Bé T: Kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T, nhưng bà T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham dự theo các giấy triệu tập của Tòa, do đó Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Tại bản án sơ thẩm số 14/2026/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H: Buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh L và bà Huỳnh Thị Bé T hoàn trả cho bà Phạm Thị H số tiền 226.000.000 (Hai trăm hai mươi sáu triệu) đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông L và bà T còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14 tháng 02 năm 2026, bị đơn ông Nguyễn Thanh L và bà Huỳnh Thị Bé T có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn đồng ý giảm cho bị đơn số tiền nợ hui là 26.000.000đồng chỉ yêu cầu bị đơn trả cho bà số tiền 200.000.000đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng ý với ý kiến của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Huỳnh Thị Bé T, sửa bản án dân sự sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn đồng ý giảm cho bị đơn số tiền 26.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị đơn Ông Nguyễn Thanh L và bà Huỳnh Thị Bé T kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Huỳnh Thị Bé T được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do, xem như từ bỏ quyền kháng cáo của mình, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Huỳnh Thị Bé T.

[2]. Đối với kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị đơn ông Nguyễn Thanh L có đại diện ủy quyền cho rằng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng có nhiều dây hui mà nguyên đơn đặt ra để yêu cầu khởi kiện bị đơn thì đã hết thời hiệu khởi kiện, nên nguyên đơn không còn quyền khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền hui, có những dây hui không những bị đơn đã trả đủ vốn góp cho nguyên đơn xong mà còn trả lãi cho nguyên đơn nhiều hơn mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Như

vậy xét thấy bị đơn ông L thừa nhận có tham gia nhiều dây hụi do nguyên đơn làm chủ hụi, còn bị đơn bà Huỳnh Thị Bé T từ lúc Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử không hợp tác, trốn tránh, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thể hiện việc xem thường pháp luật.

Bị đơn ông L kháng cáo đưa ra 07 dây hụi có phân tích từng dây hụi do nguyên đơn khởi kiện, cho rằng các dây hụi này nguyên đơn khởi kiện không có căn cứ, tuy nhiên không cung cấp được bất kỳ chứng cứ chứng minh nào cho rằng đã góp hụi đầy đủ, không còn nợ nguyên đơn, ngược lại nguyên đơn cung cấp được các chứng cứ là các tờ biên nhận chứng minh số tiền ông L, bà T đã nhận trong chương trình góp vốn và có cam kết góp tiền mỗi tháng cho các thành viên còn lại cho đến khi hết chương trình được mở theo các ngày mở hụi. Đồng thời cấp sơ thẩm có trưng cầu giám định chữ ký của bà Bé T trên các tờ biên nhận đủ căn cứ chứng minh là do bà Huỳnh Thị Bé T ký tên. Do vậy xét thấy các bị đơn cho rằng không còn nợ tiền góp hụi của nguyên đơn, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà H thống nhất giảm cho bị đơn số tiền 26.000.000đồng, chỉ yêu cầu các bị đơn trả số tiền nợ hụi là 200.000.000đồng, xét sự tự nguyện này không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những nhận định trên, xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh L là không có căn cứ chấp nhận. Chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Huỳnh Thị Bé T.

Không chấp nhận kháng cáo ông Nguyễn Thanh L

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn đồng ý giảm cho các bị đơn số tiền nợ hụi 26.000.000đồng.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 14/2026/DS-ST ngày 22/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh L và bà Huỳnh Thị Bé T hoàn trả cho bà Phạm Thị H số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông L và bà T còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Thanh L và bà Huỳnh Thị Bé T phải chịu 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

[3] Về chi phí tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Thanh L và bà Huỳnh Thị Bé T phải chịu chi phí giám định 5.052.000 (Năm triệu, không trăm năm mươi hai ngàn) đồng, số tiền này nguyên đơn bà Phạm Thị H đã nộp xong nên ông L và bà T có nghĩa vụ trả lại 5.052.000 (Năm triệu, không trăm năm mươi hai ngàn) đồng cho nguyên đơn.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Thanh L và bà Huỳnh Thị Bé T phải chịu mỗi người 300.000đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí các bị đơn đã nộp theo biên lai thu số 0004201 và 0004202 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 29 tháng 6 năm 2026.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Hoài B – P Trịnh Thị Bích H2

